

Tạp chí

Giáo chức

Việt Nam

HỘI CỤU GIÁO CHỨC VIỆT NAM * TẠP CHÍ KHOA HỌC * THE VIETNAM TEACHERS' SCIENTIFIC MAGAZINE

ISSN 1859 - 2902

Năm thứ

19

Số

225

Tháng 10/2025

Tạp chí
Giáo chức
 Việt Nam



Tạp chí Điện tử Giáo chức Việt Nam: tapchigiaochuc.com.vn

THE VIETNAM TEACHERS' SCIENTIFIC MAGAZINE

Tổng Biên tập
 PGS.TS. NGUYỄN GIA CẦU
 Phó Tổng Biên tập
 PGS.TS. TÔ BÁ TRƯỞNG

Editor in chief
 Assoc. Prof.Dr. NGUYEN GIA CAU
 Assoc. Editor in chief
 Assoc. Prof.Dr. TO BA TRUONG

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
 GS.VS. PHẠM MINH HẠC (Chủ tịch)
 Hội Cựu Giáo chức Việt Nam
 GS.TSKH. NGUYỄN MẬU BÀNH
 Hội Cựu giáo chức Việt Nam
 GS.TS. NGUYỄN THANH HÙNG
 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
 GS.TS. PHẠM HỒNG QUANG
 Hội đồng Giáo sư ngành KHGD
 PGS.TS. PHẠM MINH HÙNG
 Trường Đại học Vinh
 GS.TSKH. TRẦN VĂN NHUNG
 Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước
 PGS.TS. TRẦN QUANG QUÝ
 Hội CGC Việt Nam
 PGS.TS. NGHIÊM ĐÌNH VỸ
 Hội CGC Việt Nam
 GS.TS. TRẦN QUỐC THÀNH
 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
 TS. NINH VĂN BÌNH
 Trường Đại học Trà Vinh
 PGS.TS. LÊ VĂN TẤN
 Trường Đại học Công đoàn
 GS.TS. THÁI VĂN THÀNH
 Sở GD&ĐT Nghệ An
 TS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG THỦY
 Trường Đại học Thủ Dầu Một
 PGS.TS. TRẦN ĐÌNH TUẤN
 Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng
 TS. MAI THỊ YẾN LAN
 Trường Đại học Cần Thơ

SCIENTIFIC COUNCIL
 Prof.Acad. PHAM MINH HAC (Chairman)
 Vietnam Association of former Teachers
 Prof.Dr.Sc. NGUYEN MAU BANH
 Vietnam Association of former Teachers
 Prof.Dr. NGUYEN THANH HUNG
 Hanoi Pedagogical University
 Prof.Dr. PHAM HONG QUANG
 The Council for Professor Educational Science
 Assoc. Prof.Dr. PHAM MINH HUNG
 Vinh University
 Prof.Dr.Sc. TRAN VAN NHUNG
 The State Council for Professor Tide of Vietnam
 Assoc. Prof.Dr. TRAN QUANG QUY
 Vietnam Association of Former Teachers
 Assoc. Prof.Dr. NGHIEM DINH VY
 Vietnam Association of Former Teachers
 Prof.Dr. TRAN QUOC THANH
 Hanoi Pedagogical University
 Dr. NINH VAN BINH
 Tra Vinh University
 Assoc. Prof.Dr. LE VAN TAN
 Trade Union University
 Prof.Dr. THAI VAN THANH
 Nghe An Department of Education and Training
 Dr. NGUYEN THI HUONG THUY
 Thu Dau Mot University
 Assoc. Prof.Dr. TRAN DINH TUAN
 Political Academy, Ministry of National Defence
 Dr. MAI THI YEN LAN
 Can Tho University

Ban Thư ký: ĐT: 0837371368
 Ban Biên tập: ĐT: 0913091153
 Ban Trị sự: ĐT: 0826 662 266

Secretariat: Phone: 0837 371368
 Editorial Board: Phone: 0913 091 153
 Board of Trustees: Phone: 0826662266

Tòa soạn trị sự
 Phòng 201, số 25 Tạ Quang Bửu
 Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Điện thoại: (024) 3868 4680
 Email: tapchigiaochuc@yahoo.com.vn
 Tài khoản: 1100 104010 Ngân hàng
 Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội

Head Office
 201, Home 25 Ta Quang Buu,
 Hai Ba Trung, Ha Noi.
 Tel: (04). (024) 3868 4680
 Email: tapchigiaochuc@yahoo.com.vn
 Account No: 1100 104010
 SHB Bank

Giấy phép xuất bản: Số 3185/BVHTTDL-BC,
 ngày 03/7/2025 của Bộ Văn hóa,
 Thể thao và Du lịch
 In và chế bản tại:
 Công ty CP In Công đoàn Việt Nam,
 167 Tây Sơn, Kim Liên, Hà Nội.

Publishing licence, No. 3185/MOCST,
 03/7/2025 by Ministry of Culture,
 Sports and Tourism
 Designed and Printed by:
 Vietnam Trade Union Printing JSC.
 167 Tay Son, Kim Lien, Hanoi.

SỨ MỆNH, MỤC ĐÍCH
 VÀ TÔN CHỈ HOẠT ĐỘNG

Là tạp chí khoa học của Hội Cựu Giáo chức Việt Nam, Sứ mệnh của Tạp chí là công bố công trình nghiên cứu của các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý, chỉ đạo giáo dục, các thầy/cô giáo, nghiên cứu sinh, học viên cao học, học sinh, sinh viên trong các lĩnh vực Chính trị - Tư tưởng; Văn hóa - Xã hội; Khoa học - Công nghệ; Giáo dục và Đào tạo theo chủ trương định hướng của Đảng, của nhà nước và của ngành. Tạp chí thực hiện chức năng là sự đồng hành về tri thức và niềm tin với đồng đạo bạn đọc. Tạp chí Giáo chức Việt Nam được xuất bản từ năm 2007, với mã số ISSN 1859-2902, phát hành định kì ngày 10 hằng tháng.

Tạp chí Giáo chức Việt Nam luôn không ngừng cải tiến, đổi mới về nội dung và hình thức theo hướng nâng cao tính khoa học, tính chuyên nghiệp phù hợp với sự phát triển của báo chí khoa học hiện đại trong xu thế hội nhập, phát triển.

Để đảm bảo tính chuẩn mực và nâng cao hơn nữa chất lượng khoa học, các bài viết trước khi đăng Tạp chí Giáo chức Việt Nam đều được phân biên kĩn theo một quy trình chặt chẽ, khách quan bởi các nhà khoa học có uy tín trong nước và quốc tế.

MISSION, PURPOSE AND PRINCIPLE
 OF OPERATION

To be the scientific magazine of the Association of the former Vietnamese teachers, its Mission is to publish the research works of the scientists, researchers, managers, educational leaders, teachers, postgraduates, graduate students, students in the fields of Politics - Thought, Socioculture, Science and Technology, Education and Training according to the orientation guidelines of the Party, the State and the Ministry. The magazine's function serves as a companion of knowledge and beliefs to a large number of readers. The Vietnam Teachers Magazine has been published since 2007, with the code ISSN 1859-2902, released periodically on the 10th of every month.

The Vietnam Teachers Magazine is constantly improving and innovating in content and form towards improving its scientificity and professionalism in accordance with the development of modern scientific journalism in the trend of integration and development.

To ensure the standardization and further improve the scientific quality, all articles before being published in the Vietnam Teachers Magazine are critically reviewed according to a strict and objective process by domestic and international reputable scientists.

Giá: 50.000đ

MỤC LỤC

Số 225 (Kì 1 - tháng 10/2025)

Applying the ENCIC-CT model to teaching reading comprehension in the direction of developing critical thinking skills for high school students. **111**

26. TS. Nguyễn Thị Hiền. Biện pháp quản lý hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh ở các trường trung học phổ thông tại thành phố Hồ Chí Minh - Measures to manage experiential activities and career guidance towards developing qualities and abilities for students in high schools in Ho Chi Minh City. **117**

27. Cao Thị Hoa. Vận dụng các nguyên tắc dạy học nhằm phát triển năng lực nhận thức khoa học địa lí cho học sinh lớp 10 - Applying teaching principles to develop geographical science cognitive capacity for grade 10 students. **124**

28. Phan Hồng Hiệp. Kinh nghiệm quản lý hoạt động tổ chuyên môn ngữ văn theo mô hình nghiên cứu bài học tại trường trung học phổ thông Tân Trào (Tuyên Quang)- Experience in managing the activities of the Literature professional group according to the lesson study model at Tan Trao High School (Tuyen Quang). **128**

29. Lê Thị Hồng Vân. Ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý Khoa Lý luận Chính trị tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh - Applying digital technology in the management of the Faculty of Political Theory at Ly Tu Trong College, Ho Chi Minh City. **133**

30. Trần Thị Hồng Thu. Hợp tác nhà trường - doanh nghiệp trong đào tạo kỹ năng số cho sinh viên Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh - School - business cooperation in digital skills training for students of Ly Tu Trong College, Ho Chi Minh City. **137**

31. Đinh Thị Thủy Linh - Dương Thị Ngọc Anh - Hoàng Thị Tuyết. Những khó khăn khi dạy tiếng Anh chuyên ngành Mầm non tại Trường Đại học Hoa Lư và một số giải pháp - Difficulties in teaching

English major for preschool education at Hoa Lu University and some solutions. **144**

32. Huỳnh Văn Thạch - Lê Văn Chín. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho sinh viên tại Trường Đại học Bình Dương - management situation of communication skills education activities for students at. **145.**

33. Lê Hải Yến - Lê Thị Liên. Nâng cao chất lượng công tác cố vấn học tập cho sinh viên phân hiệu Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại tỉnh Thanh Hóa - Enhancing the quality of academic advising for students at Hanoi University of Natural Resources and Environment Branch in Thanh Hoa province. **150**

34. Hoàng Thị Thoan. Vận dụng mô hình lớp học đảo ngược để dạy học tiếng Trung giai đoạn sơ cấp cho sinh viên của Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Hà Giang - Applying the flipped classroom model to teach elementary Chinese to the students of Thai Nguyen University Branch in Ha Giang Province. **155**

35. Lê Tiên Dũng - Vũ Hải Thủy. Tăng cường nghiên cứu khoa học trong sinh viên Trường Đại học Thái Bình: Giải pháp từ góc nhìn giảng viên - Strengthening scientific research among students at Thai Binh University: Solutions from the lecturers' perspective. **160**

36. Đinh Thị Nga Phượng. Nâng cao năng lực tự học các môn Lý luận chính trị cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh - Improving the self-study capacity on political theory subjects for the students of Vinh University of Technology Education. **164**

37. TS. Bùi Hồng Thái. Các yếu tố tác động đến đánh giá kết quả học tập các môn khoa học xã hội và nhân văn ở Học viện Chính trị đáp ứng chuẩn đầu ra - The factors affecting the assessment of the learning outcomes of social sciences and humanities at the Academy of Politics to meet the output standards. **168**

NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG KINH NGHIỆM - EXPERIENCE RESEARCH & APPLICATION

38. TS. Vũ Thị Yên Nhi. Mặt trái của AI trong giáo dục đại học: khi sinh viên lười tư duy, kém sáng tạo và phụ thuộc công nghệ - The dark side of AI in higher education: when the students are lazy to think, uncreative and dependent on technology. **172**

39. Đỗ Thị Thu Hiền. Vai trò của giảng viên tiếng Anh trong việc định hướng nghề nghiệp cho sinh viên - The role of English teachers in career orientation for students. **176**

40. Nguyễn Thị Kiều Oanh. Ứng dụng Translanguaging trong giảng dạy kỹ năng viết học thuật tiếng Anh - Applying translanguaging in teaching English academic writing skills. **181**

41. Trần Kim Tuyền. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm nâng cao hiệu quả đánh giá môn kỹ năng viết bài luận tiếng Anh cho sinh viên đại học - Applying Artificial Intelligence (AI) to improve the assessment of English essay writing skills for the university students. **185**

42. Trương Tiên Phụng - Phạm Thị Yên. Phương pháp giải một số bài toán điện trường có môi trường điện môi phân lớp trong dạy học Vật lý - Methods of solving some electric field problems with differential dielectric media in physics teaching. **189**

43. Võ Thị Bảo Trân. Ảnh hưởng của ly hôn tới học sinh và giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp - The impact of divorce on students and solutions to minimize negative effects, My Tho ward, Dong Thap province. **195**

44. Ngô Thị Liên. Ảnh hưởng của các yếu tố đến quá trình phát triển năng lực giáo dục STEM cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học - The factors affecting the development of STEM educational capacity for students majoring in Primary Education. **199**

45. Nguyễn Hương Trà. Tác động của hoạt động “vẽ tranh” đối với động lực học kỹ năng viết ngoại ngữ, trường hợp sinh viên chuyên ngành tiếng Pháp - The impact of “drawing” activities on motivation

to learn foreign language writing skills - The case of students majoring in French. **204**

46. Ngô Hồng Lâm. Phát huy vai trò của báo chí trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên - Promoting the role of the press in promoting socio-economic development in the Central Highlands. **208**

47. Đoàn Thị Kim Hương. Tái định hình giảng dạy ngành kinh tế tại Việt Nam trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo: cơ hội, thách thức và lộ trình chiến lược - Reshaping economics teaching in Vietnam in the age of Artificial Intelligence: Opportunities, Challenges and a Strategic roadmap. **213**

48. Nguyễn Việt Bình. Đào tạo nguồn nhân lực xanh cho Việt Nam: Lộ trình và kiến nghị - Training green human resources for Vietnam: Roadmap and recommendations. **218**

49. Hoàng Hải Xanh. Một số vấn đề pháp lý về tranh chấp hợp đồng điện tử trong đào tạo trực tuyến ở Việt Nam hiện nay - Some legal issues on electronic contract disputes in online training in Vietnam today. **223**

50. Phan Thị Anh Thư - Hà Trọng Nghĩa - Nguyễn Thành Đạo. Niềm tin của sinh viên vào hợp tác quốc tế và các hoạt động liên quan bằng chứng từ một nghiên cứu định lượng - Students' trust in the international cooperation and related activities: Evidence from a quantitative study. **227**

51. Ngô An Hạ. Lễ hội Phật giáo và ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng: trường hợp lễ hội chùa Yên Tử - Buddhist festivals and their impact on the community life: The case of Yen Tu Pagoda Festival. **231**

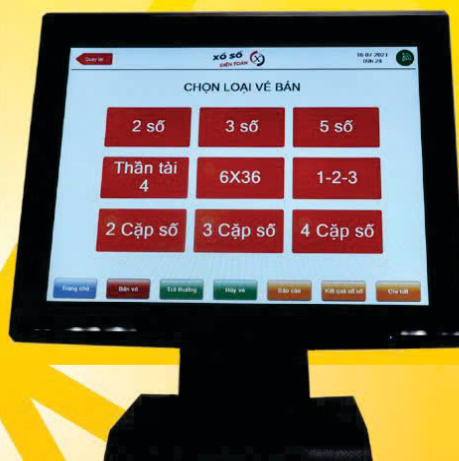
52. Trần Thị Hồng Phúc. Using strategies in learning ESP vocabulary by non - English majored students at the undergraduate level in Ho Chi Minh City Việc sử dụng các chiến lược trong học từ vựng Esp của sinh viên không chuyên Anh ngữ ở cấp độ đại học tại thành phố Hồ Chí Minh. **235**



CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ

XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN

Trò chơi hiện đại
Cách chơi đơn giản
Lĩnh thưởng nhanh



XỔ SỐ 6/36

GIẢI ĐẶC BIỆT CỘNG ĐỒNG
LŨY KẾ THEO DOANH THU

XỔ SỐ 123

6 TỶ ĐỒNG
Bộ giải đặc biệt

XỔ SỐ TỰ CHỌN 5 SỐ

4 TỶ ĐỒNG
Bộ giải đặc biệt

CÁC TRÒ CHƠI KHÁC

THẦN TÀI 4 - LÔ TÔ 2,3 SỐ
LÔ TÔ 2,3,4 CẶP SỐ

Và còn nhiều giải thưởng hấp dẫn khác,
để biết thêm thông tin chi tiết xem tại Website: xosothudo.com.vn

MỤC LỤC

Số 225 (Kì 1 - tháng 10/2025)

NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN - THEORETICAL RESEARCH

- 1. TS. Võ Thế Quân - Đoàn Thị Thúy.** Thư Bác Hồ gửi cho học sinh năm 1945 - Bản tuyên ngôn của nền giáo dục Cách mạng Việt Nam - Uncle Ho's Letter to students in 1945 - The Declaration of Vietnam's revolutionary education. **1**
- 2. Nguyễn Thị Hà Giang - Nguyễn Hồng Soa.** Triển khai học tập, quán triệt bốn Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị và các bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ - Studying and implementing the four strategic Resolutions of the Politburo and the articles of the General Secretary To Lam on the political, ideological, ethical and lifestyle education for the young generation. **6**
- 3. Phạm Thị Mai Duyên.** Thuật ngữ biện trong Triết học Hy Lạp cổ đại và giá trị cảnh báo trong nhận diện xuyên tạc chính trị ở Việt Nam hiện nay nhằm bảo vệ nền tảng Tư tưởng của Đảng - Sophistry in the ancient Greek philosophy and its warning value in identifying political distortions in Vietnam to protect the Party's ideological foundation today. **11**
- 4. TS. Nguyễn Thị Mai Phương.** Phát huy tính tích cực của học viên trong học tập học phần kinh tế chính trị Mác - Lênin tại Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần Công an Nhân dân - Promoting students' positivity in studying Marxist-Leninist political economy at the People's Police University of Technology and Logistics. **15**
- 5. Nguyễn Thị Nguyệt.** Giáo dục ý thức chính trị cho sinh viên Việt Nam: thực trạng và giải pháp - Political awareness education for Vietnamese students: The current situation and solutions. **19**
- 6. Nguyễn Huy Bảo Hoàng - Lê Hồng Nhật.** Giáo dục tình yêu biển, đảo cho sinh viên qua bài học về chủ quyền tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh - Trường Đại học Quy Nhơn - Educating the students about the love of the sea and islands through the lessons on sovereignty at the Center for National Defense and Security Education - Quy Nhon University. **23**
- 7. PGS.TS Thân Văn Quân.** Xây dựng văn hóa chất lượng trong giáo

dục, đào tạo ở nhà trường quân đội trước bối cảnh hiện nay - Building a culture of quality in education and training at the military schools in the current context. **28**

8. Kiều Văn Hạnh. Xây dựng văn hóa chất lượng trong giáo dục, đào tạo ở Học viện Chính trị hiện nay - Building a culture of quality in education and training at the Academy of Politics today. **33**

9. Thiều Thương Thương. Một số biện pháp quản lý xây dựng văn hoá nhà trường trong thời đại số tại Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Some measures to manage and build the school culture in the digital age at the University of Technology, Vietnam National University, Ho Chi Minh City. **39**

10. Nguyễn Duy Khương. Phát huy vai trò của tổ chức Đoàn trong giáo dục, rèn luyện kỹ năng giao tiếp xã hội cho thanh niên quân đội hiện nay - Promoting the role of the Youth Union organization in educating and training social communication skills for the military youth today. **44**

11. Nguyễn Đức Toại. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý học viên đào tạo sĩ quan chỉ huy tham mưu lục quân cấp phân đội ở Trường Sĩ quan Lục quân 2 hiện nay - Enhancing the quality of the cadre team responsible for managing the cadets in the training of the Army unit command and staff officer at the Army Officer School 2 today. **48**

12. Lê Văn Chuyển. Tận dụng nền tảng số để phát huy vai trò của trí thức trẻ trong bảo tồn văn hóa truyền thống - Utilizing digital platforms to promote the role of young intellectuals in preserving traditional culture. **51**

13. Tô Tổ Tâm. Động cơ học tập của học sinh tiểu học - góc nhìn từ tâm lý học - Learning motivation of primary school students - a psychological perspective. **57**

14. Nguyễn Kim Thảo. Đánh giá khó khăn tâm lý của người học trong học tập, phát triển nghề nghiệp - Assessing students' psychological difficulties in learning and career development. **61**

NGHIÊN CỨU ĐỔI MỚI SÁNG TẠO - RESEARCHING CREATIVE INNOVATION

- 15. Đinh Bích Hà.** Phương hướng, biện pháp phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ - Directions and measures for developing high-quality public preschools in Hanoi towards autonomy. **65**
- 16. Phan Thị Huỳnh Như.** Quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học tiếng anh bậc tiểu học: những vấn đề lý luận và định hướng phát triển - Managing the application of information technology in teaching English at the primary school level: Theoretical issues and developmental orientation. **69**
- 17. TS. Đoàn Thị Mỹ Linh.** Thực trạng phòng chống đuối nước cho học sinh tiểu học tại phường Thuận An, thành phố Hồ Chí Minh - Current situation of drowning prevention for primary school students in Thuan An ward, Ho Chi Minh city. **75**
- 18. Nguyễn Trà My.** Quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường tiểu học trong bối cảnh chuyển đổi số - Managing the application of information technology in teaching at the primary schools in the context of digital transformation. **80**
- 19. Trần Thanh Bình.** Thực trạng tổ chức quản lý hoạt động ngoại giờ chính khóa ở các trường tiểu học tại phường Thủ Dầu Một, thành phố Hồ Chí Minh - Current status of organizing and managing the extracurricular activities in the primary schools in Thu Dau Mot ward, Ho Chi Minh city. **84**
- 20. Nguyễn Hồng Chiên - Phan Thị Hồng The - Đỗ Thị Minh Ánh.** Giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học trong môn khoa học lớp 5 thông qua

dạy học theo dự án - Sex education for the primary school students in science subject grade 5 through project-based learning. **88**

21. Nguyễn Thị Duyên. Biện pháp quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh trường tiểu học ngoài công lập tại Đồng Anh, thành phố Hà Nội thông qua hoạt động trải nghiệm - Measures to manage moral education for the students of non-public primary schools in Dong Anh, Hanoi through experiential activities. **93**

22. Nguyễn Thị Hồng. Biện pháp giáo dục an toàn giao thông cho học sinh khối 7 tại các trường trung học cơ sở - Measures to educate traffic safety for grade 7 students in the middle schools. **98**

23. Lê Duy Khanh. Một số giải pháp rèn luyện năng lực tự chủ, tự học cho học sinh trong dạy học Lịch sử ở trường trung học cơ sở theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 - Some solutions to train students' autonomy and self-study ability in teaching History in the middle schools according to the 2018 General Education Program. **102**

24. PGS. TS Nguyễn Văn Tứ - Trần Tuyền - Trần Thông Tuệ. Phát triển phẩm chất nhân ái cho học sinh phổ thông qua hoạt động trải nghiệm: khái quát các nghiên cứu gần đây ở Việt Nam - Developing humane qualities for high school students through experiential activities: An overview of recent researches in Vietnam. **106**

25. Lê Duy Nhã - Nguyễn Văn Tuấn - Nguyễn Lộc. Vận dụng mô hình ENCIC-CT vào dạy học đọc hiểu văn bản theo định hướng phát triển kĩ năng tư duy phản biện cho học sinh trung học phổ thông -

MỤC LỤC

Số 225 (Kì 21 - tháng 10/2025)

Applying the ENCIC-CT model to teaching reading comprehension in the direction of developing critical thinking skills for high school students. **111**

26. TS. Nguyễn Thị Hiền. Biện pháp quản lý hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh ở các trường trung học phổ thông tại thành phố Hồ Chí Minh - Measures to manage experiential activities and career guidance towards developing qualities and abilities for students in high schools in Ho Chi Minh City. **117**

27. Cao Thị Hoa. Vận dụng các nguyên tắc dạy học nhằm phát triển năng lực nhận thức khoa học địa lí cho học sinh lớp 10 - Applying teaching principles to develop geographical science cognitive capacity for grade 10 students. **124**

28. Phan Hồng Hiệp. Kinh nghiệm quản lý hoạt động tổ chuyên môn ngữ văn theo mô hình nghiên cứu bài học tại trường trung học phổ thông Tân Trào (Tuyên Quang)- Experience in managing the activities of the Literature professional group according to the lesson study model at Tan Trao High School (Tuyen Quang). **128**

29. Lê Thị Hồng Vân. Ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý Khoa Lý luận Chính trị tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh - Applying digital technology in the management of the Faculty of Political Theory at Ly Tu Trong College, Ho Chi Minh City. **133**

30. Trần Thị Hồng Thu. Hợp tác nhà trường - doanh nghiệp trong đào tạo kỹ năng số cho sinh viên Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh - School - business cooperation in digital skills training for students of Ly Tu Trong College, Ho Chi Minh City. **137**

31. Đinh Thị Thủy Linh - Dương Thị Ngọc Anh - Hoàng Thị Tuyết. Những khó khăn khi dạy tiếng Anh chuyên ngành Mầm non tại Trường Đại học Hoa Lư và một số giải pháp - Difficulties in teaching

English major for preschool education at Hoa Lu University and some solutions. **144**

32. Huỳnh Văn Thạch - Lê Văn Chín. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho sinh viên tại Trường Đại học Bình Dương - management situation of communication skills education activities for students at. **145.**

33. Lê Hải Yến - Lê Thị Liên. Nâng cao chất lượng công tác cố vấn học tập cho sinh viên phân hiệu Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại tỉnh Thanh Hóa - Enhancing the quality of academic advising for students at Hanoi University of Natural Resources and Environment Branch in Thanh Hoa province. **150**

34. Hoàng Thị Thoan. Vận dụng mô hình lớp học đảo ngược để dạy học tiếng Trung giai đoạn sơ cấp cho sinh viên của Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Hà Giang - Applying the flipped classroom model to teach elementary Chinese to the students of Thai Nguyen University Branch in Ha Giang Province. **155**

35. Lê Tiên Dũng - Vũ Hải Thủy. Tăng cường nghiên cứu khoa học trong sinh viên Trường Đại học Thái Bình: Giải pháp từ góc nhìn giảng viên - Strengthening scientific research among students at Thai Binh University: Solutions from the lecturers' perspective. **160**

36. Đinh Thị Nga Phượng. Nâng cao năng lực tự học các môn Lý luận chính trị cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh - Improving the self-study capacity on political theory subjects for the students of Vinh University of Technology Education. **164**

37. TS. Bùi Hồng Thái. Các yếu tố tác động đến đánh giá kết quả học tập các môn khoa học xã hội và nhân văn ở Học viện Chính trị đáp ứng chuẩn đầu ra - The factors affecting the assessment of the learning outcomes of social sciences and humanities at the Academy of Politics to meet the output standards. **168**

NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG KINH NGHIỆM - EXPERIENCE RESEARCH & APPLICATION

38. TS. Vũ Thị Yên Nhi. Mặt trái của AI trong giáo dục đại học: khi sinh viên lười tư duy, kém sáng tạo và phụ thuộc công nghệ - The dark side of AI in higher education: when the students are lazy to think, uncreative and dependent on technology. **172**

39. Đỗ Thị Thu Hiền. Vai trò của giảng viên tiếng Anh trong việc định hướng nghề nghiệp cho sinh viên - The role of English teachers in career orientation for students. **176**

40. Nguyễn Thị Kiều Oanh. Ứng dụng Translanguaging trong giảng dạy kỹ năng viết học thuật tiếng Anh - Applying translanguaging in teaching English academic writing skills. **181**

41. Trần Kim Tuyền. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm nâng cao hiệu quả đánh giá môn kỹ năng viết bài luận tiếng Anh cho sinh viên đại học - Applying Artificial Intelligence (AI) to improve the assessment of English essay writing skills for the university students. **185**

42. Trương Tiên Phụng - Phạm Thị Yên. Phương pháp giải một số bài toán điện trường có môi trường điện môi phân lớp trong dạy học Vật lý - Methods of solving some electric field problems with differential dielectric media in physics teaching. **189**

43. Võ Thị Bảo Trân. Ảnh hưởng của ly hôn tới học sinh và giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp - The impact of divorce on students and solutions to minimize negative effects, My Tho ward, Dong Thap province. **195**

44. Ngô Thị Liên. Ảnh hưởng của các yếu tố đến quá trình phát triển năng lực giáo dục STEM cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học - The factors affecting the development of STEM educational capacity for students majoring in Primary Education. **199**

45. Nguyễn Hương Trà. Tác động của hoạt động “vẽ tranh” đối với động lực học kỹ năng viết ngoại ngữ, trường hợp sinh viên chuyên ngành tiếng Pháp - The impact of “drawing” activities on motivation

to learn foreign language writing skills - The case of students majoring in French. **204**

46. Ngô Hồng Lâm. Phát huy vai trò của báo chí trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên - Promoting the role of the press in promoting socio-economic development in the Central Highlands. **208**

47. Đoàn Thị Kim Hương. Tái định hình giảng dạy ngành kinh tế tại Việt Nam trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo: cơ hội, thách thức và lộ trình chiến lược - Reshaping economics teaching in Vietnam in the age of Artificial Intelligence: Opportunities, Challenges and a Strategic roadmap. **213**

48. Nguyễn Việt Bình. Đào tạo nguồn nhân lực xanh cho Việt Nam: Lộ trình và kiến nghị - Training green human resources for Vietnam: Roadmap and recommendations. **218**

49. Hoàng Hải Xanh. Một số vấn đề pháp lý về tranh chấp hợp đồng điện tử trong đào tạo trực tuyến ở Việt Nam hiện nay - Some legal issues on electronic contract disputes in online training in Vietnam today. **223**

50. Phan Thị Anh Thư - Hà Trọng Nghĩa - Nguyễn Thành Đạo. Niềm tin của sinh viên vào hợp tác quốc tế và các hoạt động liên quan bằng chứng từ một nghiên cứu định lượng - Students' trust in the international cooperation and related activities: Evidence from a quantitative study. **227**

51. Ngô An Hạ. Lễ hội Phật giáo và ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng: trường hợp lễ hội chùa Yên Tử - Buddhist festivals and their impact on the community life: The case of Yen Tu Pagoda Festival. **231**

52. Trần Thị Hồng Phúc. Using strategies in learning ESP vocabulary by non - English majored students at the undergraduate level in Ho Chi Minh City Việc sử dụng các chiến lược trong học từ vựng Esp của sinh viên không chuyên Anh ngữ ở cấp độ đại học tại thành phố Hồ Chí Minh. **235**

VẬN DỤNG CÁC NGUYÊN TẮC DẠY HỌC NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NHẬN THỨC KHOA HỌC ĐỊA LÍ CHO HỌC SINH LỚP 10

Cao Thị Hoa

Khoa Địa lý - Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Email: caothihoa@dhsphue.edu.vn

Tóm tắt: Bài báo nghiên cứu và hệ thống hóa các nguyên tắc cốt lõi trong việc tổ chức dạy học môn Địa lý lớp 10, nhằm phát triển năng lực nhận thức khoa học địa lý cho học sinh. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn đổi mới giáo dục, bài báo đề xuất một hệ thống gồm 5 nguyên tắc: tính mục tiêu và thực tiễn, lấy người học làm trung tâm, tính hệ thống và tích hợp, đa dạng hóa phương pháp và đánh giá theo quá trình. Hệ thống này cung cấp cơ sở lý luận quan trọng, định hướng cho giáo viên trong việc thiết kế hoạt động dạy học, từ đó nâng cao hiệu quả giáo dục môn Địa lý ở trường phổ thông.

Từ khóa: Năng lực nhận thức khoa học địa lý, nguyên tắc dạy học, dạy học Địa lý 10, phát triển năng lực, đổi mới phương pháp dạy học.

Nhận bài: 15/9/2025; Biên tập: 16/9/2025; Phản biện: 22/9/2025; Duyệt đăng: 26/9/2025.

1. Đặt vấn đề

Đổi mới giáo dục theo định hướng phát triển năng lực (PTNL) người học là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước Việt Nam, được thể hiện rõ trong Nghị quyết 29-NQ/TW và Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018. Môn Địa lý với năng lực nhận thức khoa học địa lý là năng lực cốt lõi, đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành tư duy không gian và khả năng giải quyết vấn đề thực tiễn cho học sinh (HS).

Tuy nhiên, thực tiễn dạy học cho thấy nhiều giáo viên (GV) vẫn gặp khó khăn trong việc cụ thể hóa mục tiêu phát triển năng lực thành các hoạt động dạy học hiệu quả. Các nghiên cứu hiện hành thường chỉ tập trung vào các biện pháp đơn lẻ mà thiếu đi một hệ thống nguyên tắc chỉ đạo tổng quát.

Vì vậy, việc xây dựng một hệ thống nguyên tắc tổ chức dạy học nhằm PTNL nhận thức khoa học Địa lý cho HS lớp 10 là vô cùng cấp thiết. Bài báo này hướng tới mục tiêu hệ thống hóa các nguyên tắc cốt lõi, làm cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc tổ chức dạy học môn Địa lý theo định hướng PTNL.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Khái niệm năng lực và dạy học PTNL

Theo Chương trình GDPT 2018, năng lực được định nghĩa là một tổ hợp các thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép cá nhân huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng (KN) và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, thái độ, giá trị để thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt được kết quả mong muốn trong những bối cảnh cụ thể của đời sống xã hội.

Sự chuyển dịch từ dạy học định hướng nội dung sang dạy học định hướng PTNL là một sự thay đổi mang tính cách mạng. Nếu dạy học định hướng nội

dung tập trung vào việc truyền thụ và yêu cầu người học ghi nhớ kiến thức, thì dạy học định hướng PTNL lại lấy người học làm trung tâm, chú trọng vào việc tổ chức các hoạt động học tập đa dạng để HS tự kiến tạo tri thức hình thành và rèn luyện các KN, thái độ cần thiết để giải quyết các nhiệm vụ học tập và các vấn đề thực tiễn. Mục tiêu cuối cùng là trang bị cho HS khả năng vận dụng kiến thức linh hoạt trong các tình huống khác nhau của cuộc sống.

2.1.2. Năng lực nhận thức khoa học Địa lý

Năng lực nhận thức khoa học Địa lý là một trong những năng lực đặc thù cốt lõi của môn học. Đó là tổ hợp các thuộc tính tâm lý của cá nhân, giúp cá nhân có thể hiểu và nắm bắt tri thức khoa học Địa lý một cách tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo. Năng lực này không chỉ là khả năng ghi nhớ sự vật, hiện tượng mà còn là khả năng phân tích, giải thích và đánh giá các mối quan hệ địa lý phức tạp.

NLNT khoa học Địa lý được cấu thành bởi hai thành phần cơ bản:

- NLNT thế giới theo quan điểm không gian: Là khả năng nhận thức sự vật, hiện tượng và các quá trình địa lý gắn với lãnh thổ, không gian cụ thể. Năng lực này giúp HS trả lời các câu hỏi “Cái gì? Ở đâu? Như thế nào?” của các đối tượng địa lý. HS có khả năng phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lý, sự phân bố, mật độ và mối quan hệ không gian giữa các đối tượng địa lý trên bản đồ, biểu đồ và trong thực tế.

- Năng lực giải thích các hiện tượng và quá trình địa lý: Là khả năng phân tích các mối liên hệ tương hỗ, nhân quả giữa các hiện tượng, quá trình địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội. Năng lực này cho phép học sinh lí giải được cơ chế hình thành, quá trình phát triển, quy luật vận động và hệ quả của các hiện tượng địa lý.

2.2. Nguyên tắc tổ chức dạy học PTNL nhận thức khoa học Địa lý trong dạy học Địa lý 10 THPT

2.2.1. Nguyên tắc 1: Đảm bảo tính mục tiêu và tính thực tiễn

Nguyên tắc: Đảm bảo tính mục tiêu và tính thực tiễn là nền tảng định hướng cho quá trình dạy học, nhằm PTNL nhận thức khoa học địa lí cho HS. Nguyên tắc này yêu cầu mọi hoạt động dạy học phải kết hợp chặt chẽ giữa:

- **Tính mục tiêu:** Chuyển hóa mục tiêu chương trình thành các mục tiêu hành vi cụ thể, giúp định hướng rõ ràng việc lựa chọn nội dung, PP và công cụ đánh giá.

- **Tính thực tiễn:** Gắn kết kiến thức với đời sống thực tế thông qua các ví dụ, tình huống có vấn đề và các hoạt động trải nghiệm. Việc này giúp khơi dậy hứng thú và trang bị cho HS khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề.

Sự kết hợp này tạo nên một quá trình dạy học hiệu quả, khoa học và mang tính ứng dụng cao.

* Vận dụng trong dạy học Địa lí 10

Bài 26: Vai trò, đặc điểm, cơ cấu, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố dịch vụ (Địa lí 10 - Sách Cánh Diều)

- **Tính mục tiêu:** Mục tiêu của bài học không chỉ là cung cấp các khái niệm khô khan về ngành dịch vụ mà còn là PTNL nhận thức khoa học Địa lí cho HS:

+ **Năng lực giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí:** Bài học yêu cầu HS giải thích được mối quan hệ giữa sự phát triển của ngành dịch vụ với trình độ phát triển kinh tế, mức sống dân cư và sự phân bố dân cư. HS phải trả lời được câu hỏi “Tại sao ngành dịch vụ lại phát triển mạnh ở các đô thị lớn?” hoặc “Vì sao các ngành dịch vụ du lịch lại tập trung ở những nơi có tài nguyên du lịch nổi bật?”. Đây là những câu hỏi yêu cầu tư duy sâu sắc về các mối liên kết.

+ **Năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian:** HS cần nhận thức được sự phân bố không đồng đều của ngành dịch vụ trên thế giới cũng như trong từng quốc gia. Việc phân tích bản đồ phân bố các trung tâm dịch vụ tài chính hay các tuyến du lịch chính giúp HS nhận diện và lý giải được quy luật phân bố của các đối tượng địa lí này.

- **Tính thực tiễn:** Bài học về ngành dịch vụ có ưu điểm lớn là rất gần gũi với đời sống hằng ngày của HS, do đó việc lồng ghép tính thực tiễn trở nên dễ dàng và hiệu quả:

+ **Sử dụng ví dụ thực tế gần gũi:** Thay vì chỉ nói chung chung về ngành dịch vụ, GV có thể đặt các câu hỏi liên hệ trực tiếp: “Kể tên các loại hình dịch vụ mà gia đình em thường sử dụng hằng ngày.” hoặc “Tại sao các cửa hàng tiện lợi (như Circle K, VinMart) lại thường nằm ở các khu vực đông dân cư?”.

+ **Tổ chức khảo sát thực địa:** GV có thể giao nhiệm vụ cho HS khảo sát các loại hình dịch vụ có trong khu phố mình sống và phân tích xem chúng

phục vụ nhu cầu gì, tại sao chúng lại được phân bố như vậy. Ví dụ, HS có thể lập bảng thống kê số lượng các quán ăn, siêu thị, hiệu thuốc, và rút ra nhận xét về sự tập trung của chúng.

+ **Nghiên cứu điển hình về một loại hình dịch vụ:** Lấy ví dụ về ngành du lịch. GV có thể yêu cầu học sinh nghiên cứu về ngành du lịch ở một địa phương cụ thể (ví dụ: du lịch Sapa, du lịch biển Đà Nẵng) để phân tích các yếu tố tự nhiên và kinh tế - xã hội đã thúc đẩy ngành này phát triển.

Với cách tiếp cận này, bài học về ngành dịch vụ không còn là những số liệu và khái niệm đơn thuần, mà trở thành một công cụ giúp HS hiểu và giải thích thế giới xung quanh. Điều này không chỉ giúp HS nắm vững kiến thức mà còn phát triển NLNT khoa học Địa lí một cách tự nhiên và bền vững.

2.2.2. Nguyên tắc 2: Lấy người học làm trung tâm và tích cực hóa hoạt động

Nguyên tắc này đặt HS vào vị trí chủ thể của quá trình học tập. Nội dung cốt lõi của nguyên tắc này gồm hai khía cạnh có mối quan hệ biện chứng:

- **Lấy người học làm trung tâm:** Mọi hoạt động dạy học phải xoay quanh nhu cầu, năng lực và hứng thú của HS. GV đóng vai trò là người tổ chức, hướng dẫn và hỗ trợ, tạo môi trường để HS tự khám phá và chiếm lĩnh tri thức.

- **Tích cực hóa hoạt động:** Đây là phương thức để hiện thực hóa triết lý trên. HS được yêu cầu “làm”, “trải nghiệm” và “tương tác” thông qua các hoạt động đa dạng như tư duy, thảo luận, giải quyết vấn đề. Quá trình này giúp HS tự kiến tạo tri thức và rèn luyện các năng lực cần thiết, trong đó có năng lực nhận thức khoa học Địa lí một cách tự nhiên và bền vững.

* Vận dụng trong dạy học Địa lí 10 (Bài 16 - Dân số và gia tăng dân số, cơ cấu dân số (Địa lí 10 - Cánh Diều)

Áp dụng Nguyên tắc Lấy người học làm trung tâm và tích cực hóa hoạt động trong bài học này biến quá trình học tập từ việc nghe giảng một chiều thành một chuỗi các hoạt động tương tác, giúp HS chủ động khám phá tri thức.

- GV có thể khởi động bằng một hoạt động kích thích tư bằng cách trình chiếu video hoặc hình ảnh về cuộc sống đông đúc ở một TP lớn như TP Hồ Chí Minh và một vùng nông thôn vắng vẻ, GV đặt ra các câu hỏi mở như: “Các em có nhận xét gì về sự khác biệt về dân số giữa hai khu vực này? Theo các em, vì sao lại có sự khác biệt đó?”. Hoạt động này ngay lập tức kích thích HS tư duy, liên hệ với thực tế và chủ động tham gia vào bài học.

- Tiếp theo, GV tổ chức hoạt động tìm hiểu và phân tích số liệu theo nhóm. Mỗi nhóm được giao một nhiệm vụ cụ thể để phân tích các biểu đồ và tháp dân số. Ví dụ, một nhóm có thể nghiên cứu về gia tăng dân số tự nhiên của VN qua các giai đoạn, trong khi một nhóm khác phân tích tháp dân số của

một quốc gia đang phát triển và một quốc gia phát triển để so sánh và rút ra nhận xét. Hoạt động này buộc HS phải làm việc nhóm, tìm kiếm, phân tích, và tổng hợp thông tin một cách chủ động, từ đó hình thành các năng lực giải thích và tư duy không gian.

- Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, các nhóm sẽ vận dụng và trình bày sản phẩm của mình trước lớp dưới nhiều hình thức khác nhau như thuyết trình, sơ đồ tư duy, hoặc poster. Để tăng tính ứng dụng, GV có thể đặt một tình huống có vấn đề: «Nếu các em là một nhà hoạch định chính sách, các em sẽ làm gì để tận dụng lợi thế của cơ cấu dân số vàng ở VN?». Hoạt động này không chỉ giúp HS củng cố kiến thức mà còn rèn luyện khả năng vận dụng, tư duy phản biện và KN giao tiếp, trình bày trước đám đông.

Nhờ cách tiếp cận này, bài học không chỉ cung cấp kiến thức mà còn giúp HS hiểu sâu sắc hơn về các vấn đề dân số và rèn luyện các năng lực tư duy khoa học, phù hợp với định hướng PTNL của chương trình GD mới.

2.2.3. Nguyên tắc 3: Đảm bảo tính hệ thống, tích hợp và phân hóa

Nguyên tắc này tập trung vào việc tổ chức nội dung dạy học một cách khoa học, logic và linh hoạt. Nội dung cốt lõi của nguyên tắc này bao gồm ba khía cạnh có mối quan hệ chặt chẽ:

- Tính hệ thống: Nội dung dạy học phải được sắp xếp theo một trình tự logic, giúp HS xây dựng một nền tảng tri thức vững chắc.

- Tính tích hợp: Dạy học không chỉ giới hạn trong phạm vi môn Địa lí mà cần tích hợp kiến thức từ các môn học khác như Kinh tế, Lịch sử... để có cái nhìn toàn diện.

- Tính phân hóa: Hoạt động học tập cần được thiết kế với các mức độ yêu cầu khác nhau, phù hợp với sự đa dạng về trình độ, năng lực và hứng thú của HS.

* Vận dụng trong dạy học Địa lí 10

Bài 18: Các nguồn lực phát triển kinh tế (Sách Địa lí 10 - Cánh Diều).

- Về tính hệ thống: Bài học được cấu trúc rất logic, bắt đầu với khái niệm nguồn lực, sau đó phân loại thành các nguồn lực tự nhiên, kinh tế - xã hội, vị trí địa lí... Cách tiếp cận này giúp HS hiểu được bản chất của từng loại nguồn lực và mối quan hệ giữa chúng một cách hệ thống. Giáo viên có thể hướng dẫn HS lập sơ đồ tư duy để thấy rõ sự phân loại này.

- Về tính tích hợp: Bài học này có tính tích hợp cao với nhiều môn học khác. Khi nói về nguồn lực tài nguyên thiên nhiên, có thể tích hợp kiến thức từ môn Sinh học (tài nguyên sinh vật), Vật lí (năng lượng mặt trời, gió), Hóa học (khoáng sản). Khi đề cập đến nguồn lực kinh tế - xã hội như vốn, khoa học công nghệ, GV có thể tích hợp kiến thức từ môn Kinh tế để giải thích vai trò của chúng trong phát triển kinh tế.

- Về tính phân hóa: GV có thể thiết kế các nhiệm vụ với các mức độ khác nhau:

+ Mức độ cơ bản: Yêu cầu HS nhận biết và phân loại các nguồn lực (tự nhiên, kinh tế - xã hội) của một quốc gia.

+ Mức độ nâng cao: Yêu cầu HS phân tích sự khác biệt về nguồn lực giữa các quốc gia và lý giải tại sao một số quốc gia (ví dụ: Nhật Bản) tuy nghèo về tài nguyên nhưng lại phát triển kinh tế mạnh mẽ.

+ Nhiệm vụ mở rộng: Giao cho HS làm một dự án nhỏ về nguồn lực kinh tế của địa phương mình, đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu và đề xuất giải pháp để phát triển bền vững.

Nguyên tắc này giúp HS không chỉ có được kiến thức rời rạc mà còn xây dựng được một hệ thống kiến thức chặt chẽ, hiểu được mối liên hệ giữa địa lí và các lĩnh vực khác, đồng thời được rèn luyện các KN ở nhiều mức độ khác nhau.

2.2.4. Nguyên tắc 4: Đa dạng hóa PP, kĩ thuật và phương tiện dạy học tích cực

Nguyên tắc này nhấn mạnh việc phối hợp linh hoạt các PP, kĩ thuật và phương tiện dạy học để tạo ra một môi trường học tập sinh động, khuyến khích sự chủ động của HS. Nội dung cốt lõi là sử dụng đa dạng các công cụ để tránh sự nhàm chán và kích thích tư duy.

* Vận dụng trong dạy học Địa lí 10

Bài 20: Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (Sách Địa lí 10 - Cánh Diều)

- Vận dụng PP giải quyết vấn đề: Thay vì giảng giải một chiều, GV có thể đặt vấn đề trực tiếp để HS tìm hiểu. Ví dụ: «Tại sao vùng Đồng bằng sông Cửu Long lại nổi tiếng với lúa nước và nuôi trồng thủy sản, trong khi Tây Nguyên lại là «thủ phủ» của cây công nghiệp lâu năm?». Câu hỏi này kích thích HS tư duy, phân tích các nhân tố địa lí để đưa ra câu trả lời.

- Sử dụng phương tiện trực quan:

+ Bản đồ, biểu đồ: Sử dụng bản đồ nông nghiệp VN để HS quan sát và nhận xét về sự phân bố của các loại cây trồng, vật nuôi, từ đó phân tích mối quan hệ với điều kiện tự nhiên.

+ Video và hình ảnh: Chiếu các video ngắn về quy trình sản xuất lúa ở miền Tây hay thu hoạch cà phê ở Tây Nguyên sẽ giúp HS có cái nhìn chân thực, sinh động.

+ Sử dụng kĩ thuật dạy học tích cực: sơ đồ tư duy, thảo luận nhóm,...

2.2.5. Nguyên tắc 5: Kiểm tra, đánh giá (KTĐG) theo quá trình và định hướng năng lực

Nguyên tắc này nhấn mạnh sự thay đổi từ việc đánh giá kết quả cuối cùng sang việc đánh giá toàn bộ quá trình học tập. Nội dung cốt lõi của nguyên tắc này là:

- Đánh giá theo quá trình: Việc KTĐG không chỉ diễn ra sau khi kết thúc một chương, một bài

mà được lồng ghép thường xuyên, liên tục trong suốt các hoạt động dạy học. Điều này giúp GV kịp thời phát hiện khó khăn của HS và điều chỉnh PP dạy học.

- Định hướng năng lực: Công cụ đánh giá không chỉ tập trung vào khả năng ghi nhớ kiến thức mà phải đo lường được khả năng vận dụng kiến thức, KN để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

* *Vận dụng trong dạy học Địa lí 10*

Trong dạy học, GV vận dụng nguyên tắc này như sau:

- Đánh giá quá trình: GV quan sát, đặt câu hỏi trong khi HS làm việc nhóm để đánh giá KN và mức độ tham gia.

- Định hướng năng lực: Sử dụng các công cụ như rubric để đánh giá sản phẩm dự án (báo cáo, poster) thay vì chỉ dùng bài kiểm tra trắc nghiệm, tập trung vào khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết một vấn đề cụ thể.

3. Kết luận

Nghiên cứu về việc tổ chức dạy học nhằm PTNL nhận thức khoa học Địa lí cho HS lớp 10 là một yêu cầu tất yếu trong bối cảnh đổi mới GD hiện nay. Trên cơ sở tổng quan lý luận và thực tiễn, bài báo đã hệ thống hóa và đề xuất một bộ năm nguyên tắc cơ bản, đóng vai trò là kim chỉ nam cho việc thiết kế và triển khai các hoạt động dạy học môn Địa lí theo định hướng PTNL.

Năm nguyên tắc này, bao gồm: (1) Đảm bảo tính

mục tiêu và tính thực tiễn; (2) Lấy người học làm trung tâm và tích cực hóa hoạt động; (3) Đảm bảo tính hệ thống, tích hợp và phân hóa của nội dung; (4) Đa dạng hóa PP, kĩ thuật và phương tiện dạy học tích cực; (5) KTĐG theo quá trình và định hướng năng lực, có mối quan hệ biện chứng, tương hỗ lẫn nhau, tạo thành một hệ thống đồng bộ. Việc tuân thủ và vận dụng linh hoạt các nguyên tắc này sẽ giúp quá trình dạy học chuyển từ việc truyền thụ kiến thức sang việc tổ chức quá trình học tập, rèn luyện cho HS khả năng vận dụng tri thức để giải thích và giải quyết các vấn đề địa lí phức tạp ■

Tài liệu tham khảo

- [1]. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế*. Hà Nội.
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình GDPT môn Địa lí (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018)*. Hà Nội.
- [3]. Trần Thị Xuân Đào (2020). *Dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh trong môn Địa lí*. TC Giáo dục, số 480 (kì 2 - 12/2020), tr. 40-43. Hà Nội
- [4]. Nguyễn Thị Hằng Nga, Trần Thị Thanh Huyền (2020). *Nâng cao năng lực dạy học phân hóa cho giáo viên đáp ứng Chương trình GDPT 2018*, TC Giáo dục, số 480 (kì 2 - 6/2020), tr. 5-9 Hà Nội.

APPLYING TEACHING PRINCIPLES TO DEVELOP GEOGRAPHICAL SCIENCE COGNITIVE CAPACITY FOR GRADE 10 STUDENTS

Cao Thi Hoa

Faculty of Geography, University of Education, Hue University

Email: caothihoa@dhsphue.edu.vn

Abstract: The article researches and systematizes the core principles in organizing teaching Geography subject for grade 10, aiming to develop students' geographical science cognitive capacity. Based on the theory and practice of educational innovation, the article proposes a system of five principles: objective and practical, learner-centered, systematic and integrated, method diversification and process-based assessment. This system provides an important theoretical basis, guiding the teachers in designing teaching activities, thereby improving the effectiveness of Geography education in high schools.

Keywords: Geographical science cognitive capacity, teaching principles, teaching Geography 10, capacity development, innovation in teaching methods.